

Đơn vị:.....

Mẫu số S04b9-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ SỔ SỐ 9

Tính giá thực tế thành phẩm, hàng hoá, hàng hoá kho bảo thuế

Thông năm

Số TT	Chỉ tiêu	TK 155 - Thành phẩm		TK 156 - Hàng hoá		TK 158- Hàng hoá kho bảo thuế	
		Giá hạch toán	Giá thực tế	Giá hạch toán	Giá thực tế	Giá hạch toán	Giá thực tế
A	B	1	2	3	4	5	6
1	I. Số dư đầu tháng						
2	II. Số phát sinh trong tháng						
3	Từ NKCT số 5						
4	Từ NKCT số 6						
5	Từ NKCT số 7						
6	Từ NKCT số 1						
7	Từ NKCT số 2						
							
8	III. Cộng số dư đầu tháng và phát sinh trong tháng (I+II)						
9	IV. Hệ số chênh lệch						
10	V. Xuất trong tháng						
11	VI. Tồn kho cuối tháng						
	(III - V)						

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(2.8) *Bảng kê số 9 (Mẫu số S04b9-DN)*: Dùng để tính giá thực tế thành phẩm, hàng hoá, hàng hoá kho bảo thuế.

Phương pháp lập Bảng kê số 9 tương tự như phương pháp lập và tính giá thành thực tế của vật liệu quy định ở Bảng kê số 3.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của hàng hoá,} \\ \text{thành phẩm xuất trong} \\ \text{tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của hàng} \\ \text{hoá, thành phẩm xuất} \\ \text{trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giá} \\ \text{(trên Bảng kê số 9)} \end{array}$$

Số liệu tổng cộng cuối tháng hoặc cuối quý của Bảng kê số 8 và số 9 dùng để ghi vào NKCT số 8.